

Bản án số: 1050/2023/DS-PT
Ngày: 08/11/2023
Về việc “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Bà Vũ Thị Thu Hương
2. Bà Phạm Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 08/11/2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2023/TLPT-DS ngày 04/10/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 243/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4751/2023/QĐXXPT-DS ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: 5 đường P (nay là 7 N), Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị C – sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: 1 đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Hồng P, sinh năm 1976 (có mặt)

3.2. Ông Dương Quang H, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 4 đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Hoàng Quốc C1, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: 1 đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Lê Hà H1, sinh năm 1947 (có mặt)

Địa chỉ: 5 đường P (nay là 7 N), Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà **Lê Hồng P.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13/03/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn bà **Lê Thị T** trình bày:

Ngày 05/11/2017, bà có cho bà **Đỗ Thị C** mượn 100.000.000 đồng và ngày 19/12/2017, cho mượn 100.000.000 đồng. Từ khi cho mượn đến nay bà **C** đã trả được 70.000.000 đồng, nên bà yêu cầu bà **C** phải trả cho bà 130.000.000 đồng. Do kinh tế khó khăn nên bà cho bà **C** trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Bị đơn bà **Đỗ Thị C** trình bày:

Bà xác nhận ngày 05/11/2017, có nhận của bà **T** 100.000.000 đồng và ngày 19/12/2017, có nhận của bà **T** 100.000.000 đồng. Số tiền bà nhận và viết giấy nợ để làm tin cho việc vay mượn tiền giữa bà **T** và bà **Lê Hồng P** do bà là hàng xóm của bà **T** và có nhà; bà **P** ở nhà thuê nên bà **T** bảo bà phải viết giấy nhận nợ mới cho bà **P** mượn tiền. Khi bà **T** giao tiền có cả bà **P**, sau khi nhận tiền của bà **T** bà đã đưa ngay cho bà **P**, bà **P** đã trả tiền cho bà **T** như thế nào bà không biết. Bà muốn bà **P** viết lại giấy nợ với bà **T**, đồng thời bà **T** hủy giấy nợ bà ký cho bà **T** nhưng bà **T** không đồng ý. Với yêu cầu của bà **T** bà đồng ý trả 130.000.000 đồng cho bà **T**, mỗi tháng trả 500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lê Hồng P** trình bày:

Do cần tiền làm ăn nên bà có hỏi mượn tiền bà **T** và bà **T** thấy bà ở nhà thuê nên không cho mượn mà yêu cầu bạn bà là bà **Đỗ Thị C** cũng là hàng xóm của bà **T** phải viết giấy mượn tiền thì bà **T** mới cho bà mượn tiền. Nên bà **C** có nhận 200.000.000 đồng của bà **T** vào các ngày 05/11/2017, ngày 19/12/2017 và đưa ngay cho bà, khi bà **T** đưa tiền cho bà **C** có bà ở đó. Sau khi mượn tiền bà và chồng là người trực tiếp trả tiền cho bà **T**, số tiền đã trả rất nhiều, từ khi dịch bệnh bà không có khả năng trả nên bà **T** đã lấy giấy nợ bà **C** viết cho bà **T** ra để yêu cầu bà **C** trả tiền. Nay bà **T** yêu cầu bà **C** trả 130.000.000 đồng bà xin trả số tiền này cho bà **T** vì bà mới là người mượn tiền bà **T**; bà **C** chỉ viết giấy làm tin. Nếu bà **T** không đồng ý thì bà cùng chung ý kiến với bà **C**, hàng tháng bà sẽ đưa 500.000 đồng cho bà **C** để bà **C** trả bà **T**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Dương Văn H2** trình bày:

Ông là chồng của bà **P**, việc vay mượn tiền giữa bà **P**, bà **T**, bà **C** như thế nào ông không biết. Sau này ông mới biết thì có trả tiền cho bà **T**, bà **T** ký nhận vào 1 cuốn sổ của ông nhưng do chuyển nhà đã thất lạc cuốn sổ này. Với yêu cầu khởi kiện của bà **T** ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Hoàng Quốc C1** trình bày:

Ông là chồng của bà **C1**, việc vay mượn tiền giữa bà **P**, bà **T**, bà **C1** như thế nào ông không biết. Với yêu cầu khởi kiện của bà **T** ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Hà H1** trình bày:

Ông là chồng của bà **T**, việc vay mượn tiền giữa bà **P**, bà **T**, bà **C1** như thế nào ông không biết. Với yêu cầu khởi kiện của bà **T** ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại bản án sơ thẩm số 243/2023/DS-ST ngày 30/6/2023, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà **Lê Thị T**.

Buộc bà **Đỗ Thị C** có trách nhiệm trả cho bà **Lê Thị T** 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

2. Về thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về địa điểm thanh toán: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí: Bà **Đỗ Thị C** phải chịu 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Kể từ ngày bà **Lê Thị T** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà **Đỗ Thị C** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/7/2023, bà **Lê Hồng P** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp đơn kháng cáo

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lê Hồng P** kháng cáo xin được trả số tiền 130.000.000 đồng cho bà **T**, bằng hình thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên, vì hoàn cảnh kinh tế của bà hiện nay khó khăn, không có công việc nên không có thu nhập.

+ Bị đơn bà **Đỗ Thị C** thống nhất với yêu cầu của bà **P**.

+ Nguyên đơn bà **Lê Thị T** không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà **P** xin được trả số tiền 130.000.000 đồng cho bà **T**, bằng hình thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Đồng thời, yêu cầu y án sơ thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Dương Quang H** và ông **Hoàng Quốc C1** yêu cầu xem xét yêu cầu kháng cáo của bà **P**.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Hà H1** yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán

và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Giấy vay tiền do bà **Đỗ Thị C** ký ngày 05/11/2017 và ngày 19/12/2017 và tại phiên tòa, bà **C** xác nhận có ký Giấy vay tiền nêu trên để vay số tiền tổng cộng là 200.000.000 đồng, đồng thời, các đương sự thống nhất xác nhận số tiền còn nợ bà **T** là 130.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà **P** kháng cáo xin trả dần số tiền 130.000.000 đồng bằng hình thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà **T** không đồng ý yêu cầu của bà **P** xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do đó, bà **P** kháng cáo xin trả dần số tiền 130.000.000 đồng bằng hình thức mỗi tháng 2.000.000 đồng là không có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **P** và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Theo Giấy vay tiền ngày 05/11/2017, có nội dung: Bà **Đỗ Thị C** có vay của bà **T** số tiền 100.000.000 đồng.

[2] Theo Giấy vay tiền ngày 19/12/2017, có nội dung: Bà **Đỗ Thị C** lấy thêm 100.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, bà **Đỗ Thị C** xác nhận chữ ký trong Giấy vay tiền ngày 05/11/2017 và ngày 19/12/2017 là do bà ký. Đồng thời, bà **C** và bà **P** xác nhận số tiền nợ bà **T** là 130.000.000 đồng.

[4] Bà **Lê Hồng P** kháng cáo xin được trả số tiền 130.000.000 đồng cho bà **T**, bằng hình thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên, vì hoàn cảnh kinh tế của bà hiện nay khó khăn, không có công việc nên không có thu nhập. Tuy nhiên, bà **T** không đồng ý với yêu cầu của bà **P** xin được trả số tiền 130.000.000 đồng cho bà, bằng hình thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 130.000.000 đồng. Do đó, bà **P** kháng cáo xin được trả số tiền 130.000.000 đồng cho bà **T**, bằng hình thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Án sơ thẩm tuyên trả ngay sau khi bản án có hiệu lực là không cần thiết vì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, trường hợp cần thiết thì phải cưỡng chế thi hành án.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận

yêu cầu kháng cáo bà **P** và giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà **P** phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 465; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **Lê Hồng P.**

2. Giữ nguyên bản án số 243/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà **Lê Thị T.**

Buộc bà **Đỗ Thị C** có trách nhiệm trả cho bà **Lê Thị T** 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà **Lê Thị T** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà **Đỗ Thị C** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Đỗ Thị C** phải chịu 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Lê Hồng P** chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do bà **Lê Hồng P** nộp theo biên lai thu số 0023360 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận Tân Bình;
- TAND quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu (T/17)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường